

CẢI BIẾN KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG GIAI ĐOẠN 1976 - 1985 Ở CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

TRẦN CAO THÀNH*

I. SỰ LỰA CHỌN ĐỊNH HƯỚNG CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN Ở LÀO SAU GIẢI PHÓNG NĂM 1975

Khi chiến tranh kết thúc năm 1975, Lào xoá bỏ được chế độ quân chủ phong kiến và chế độ chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ. Nhân dân các bộ tộc làm chủ đất nước, quyết định được con đường phát triển của dân tộc. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào ra đời và trưởng thành trong chiến tranh giành độc lập dân tộc, nguồn gốc tiền thân là Đảng Cộng sản Đông Dương, đã trở thành lực lượng nòng cốt lãnh đạo đất nước. Những người Cộng sản Lào lấy nguyên lý của Chủ nghĩa Mác-Lênin làm kim chỉ nam, coi độc lập dân tộc gắn liền với mục tiêu CNXH. Với ý thức hệ tư tưởng cộng sản trên tinh thần quốc tế vô sản, thông qua sự du nhập chủ nghĩa Mác - Lênin vào Lào, từ vị trí và điều kiện của đất nước trong môi trường khu vực và quốc tế xung đột chiến tranh lạnh, Lào xác định đã hoàn thành cách

mạng dân tộc dân chủ và chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết để tiến thẳng lên CNXH không qua giai đoạn phát triển TBCN⁽¹⁾. Sự định hướng này đã được vạch ra từ đại hội Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lần thứ II năm 1972. Vì vậy, mặc dù xuất phát điểm rất thấp, “đường như không có tiền đề vật chất nào để xây dựng chủ nghĩa xã hội”⁽²⁾, lực lượng cán bộ Đảng còn hạn chế, sau khi phân tích lý luận và kinh nghiệm thực tiễn cách mạng XHCN thế giới, dựa vào chuyển biến tiến bộ ở vùng giải phóng được xây dựng theo mô hình quy mô một quốc gia, với đà thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, Lào đánh giá “đã hoàn thành cơ bản cách mạng dân tộc dân chủ”⁽³⁾. Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc ra tuyên bố xây dựng “một nước Lào hoà bình, độc lập, thống nhất, phồn vinh và tiến bộ xã hội”⁽⁴⁾. Ngay từ năm 1976, nhằm bảo vệ thành quả của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, đưa cách mạng tiếp tục phát triển sang giai đoạn mới trong điều kiện và

* TS. Trần Cao Thành, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

hoàn cảnh mới, Hội đồng nhân dân tối cao nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào đã xác định cơ sở để tạo ra một chế độ xã hội mới tiến bộ là định hướng xã hội xã hội chủ nghĩa, “dựa vào chuyên chính dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ của chuyên chính vô sản”⁽⁵⁾. Nhiệm vụ cách mạng trong bước chuyển sang giai đoạn mới là xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, thiết lập chuyên chính dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ của chuyên chính vô sản, khắc phục hậu quả chiến tranh và tạo tiền đề xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thực trạng đất nước đặt ra yêu cầu hàn gắn và khắc phục hậu quả chiến tranh, cải tạo và xây dựng thống nhất trong cả nước, từ lực lượng sản xuất đến quan hệ sản xuất, từ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng để khắc phục sự trì trệ lạc hậu và kiến tạo một xã hội mới. Song, trở ngại chính là nền sản xuất nhỏ tự nhiên tự cấp tự túc với những hậu quả của chiến tranh và xã hội rất lạc hậu. Không chỉ vậy, thách thức về an ninh quốc phòng ở trong nước và khu vực, khiến cho việc chấn hưng đất nước và bình thường hoá quan hệ quốc tế chưa phải là vấn đề bức xúc nổi bật của Lào. Trong một khu vực còn tiềm ẩn xung đột và một thế giới phân cực đối đầu gay gắt, sự cấu kết của các thế lực thù địch bên ngoài với các lực lượng phản động trong nước, đặt vấn đề quốc phòng an ninh bảo vệ thành quả cách mạng trở nên trọng yếu, ảnh hưởng trực tiếp đến sự lựa chọn phương hướng xây dựng đất nước của Lào sau chiến tranh.

Sự lựa chọn con đường và biện pháp xây dựng phát triển đất nước, được đặt ra gay gắt ở Lào trong tư tưởng và trên thực

tiễn. Căn cứ vào mục tiêu cách mạng, đặc điểm bối cảnh tình hình trong nước và thế giới, Lào đã lựa chọn con đường phát triển theo định hướng XHCN. Tại kỳ họp thứ hai Hội đồng nhân dân tối cao (6-1976), vấn đề xây dựng CNXH trên cơ sở liên minh công nông được đặt ra. Thời kỳ mới của Lào được xác định là thời kỳ quá độ lên CNXH.

II. CẢI BIẾN KINH TẾ - XÃ HỘI THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Trong những năm sau giải phóng, xuất phát từ đặc điểm, bối cảnh tình hình trong nước và trên thế giới, Đảng và Nhà nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào đã lãnh đạo nhân dân các bộ tộc phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, xây dựng và phát triển đất nước theo mục tiêu xây dựng chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Từ năm 1976 đến năm 1985, Lào đã trải qua 2 năm khôi phục và cải tạo sau chiến tranh (1976-1977); 3 năm thực hiện kế hoạch khôi phục, cải tạo và xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá (1978-1980) và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ I (1981-1985). Sự phát triển trong giai đoạn này là kết quả của quá trình khôi phục, cải tạo xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội sau chiến tranh; giữ vững độc lập dân tộc và chính quyền cách mạng; thiết lập những nhân tố mới của chế độ mới với sự ủng hộ giúp đỡ tích cực của Liên Xô, Việt Nam và nhiều nước, nhiều tổ chức quốc tế trong cộng đồng thế giới. Các nhân tố đảm bảo cho những cải cách kinh tế, biến đổi chính trị xã hội, chấn hưng đất nước được xác lập. Đó là một nhà nước dân

chủ nhân dân với một hệ thống chính quyền các cấp từ Trung ương đến địa phương được xây dựng và củng cố ngày càng hoàn thiện, đủ sức mạnh thực hiện các chức năng đối nội và đối ngoại. Hệ thống chính trị mang tính thống nhất cao gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các tổ chức xã hội và đoàn thể quần chúng. Trong đó, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào là nhân tố quyết định đối với sự phát triển của hệ thống chính trị, là hạt nhân đảm bảo sự thống nhất của hệ thống chính trị. Quan hệ đối ngoại được mở rộng. Cộng đồng các nước XHCN đang vững mạnh và là thành trì của cách mạng thế giới, trong đó có Liên Xô và Việt Nam tiếp tục giúp Lào thực hiện mục tiêu cách mạng.

Cũng như các cuộc cách mạng xã hội ở các nước lựa chọn con đường xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, Lào cần thay đổi quan hệ sản xuất, trước hết là quyền sở hữu làm cơ sở thay đổi các mặt khác của quan hệ sản xuất. Việc chuyển biến chế độ về tư liệu sản xuất được coi là điểm xuất phát cho sự chuyển biến chung của toàn bộ nền kinh tế, của nhiệm vụ thống nhất kinh tế trong phạm vi cả nước và cải tạo nền kinh tế nông nghiệp tự cấp tự túc. Vì vậy, từ năm 1977, nội dung của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Lào được xác định là “Thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng trong lĩnh vực quan hệ sản xuất, cách mạng trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật, cách mạng trong lĩnh vực tư tưởng và văn hoá”⁽⁶⁾. Việc quốc hữu hoá công thương nghiệp và tập thể hoá nông dân được coi là biện pháp xác lập vai trò chủ đạo của kinh tế XHCN dưới hai hình thức toàn dân và tập thể, cải tạo kinh tế tự nhiên và nửa tự nhiên trong sản xuất

nông nghiệp. Chính sách đối ngoại tập trung vào các nước XHCN. Lào trở thành quan sát viên của Hội đồng tương trợ kinh tế (năm 1976); ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác với Việt Nam (năm 1977) khẳng định bước ngoặt mới trong quan hệ đặc biệt giữa hai nước. Cùng với quá trình khôi phục, duy trì các hoạt động sản xuất và đời sống, chính quyền các cấp nỗ lực xây dựng và phát triển con người mới và xã hội mới. Sự nghiệp giáo dục mang nội dung XHCN được đẩy mạnh. Tiếng Lào được dùng làm ngôn ngữ chính thức, sử dụng ở tất cả các cấp học từ tiểu học đến đại học. Bên cạnh việc duy trì hệ thống trường chùa, hệ thống nhà trường cách mạng được kiến tạo thống nhất trong cả nước. Các cấp chính quyền và đoàn thể xã hội cùng toàn dân đạt nhiều kết quả tích cực, trong các hoạt động công tác tuyên truyền và chính sách xã hội, phá bỏ các tệ nạn xã hội, xoá bỏ mù chữ, làm vệ sinh môi trường, chăm sóc sức khoẻ và phòng chống dịch bệnh v.v...

Đầu năm 1978, Lào thông qua kế hoạch khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội 3 năm (1978-1980). Một số trọng tâm của kế hoạch là tăng tốc độ cải tạo XHCN, áp dụng quan hệ sản xuất XHCN, tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH. Chính sách phát triển kinh tế - xã hội theo đường lối xây dựng cơ cấu kinh tế “sử dụng nông lâm nghiệp làm cơ sở để phát triển công nghiệp, kết hợp phát triển cân đối nông lâm nghiệp ở mỗi giai đoạn, đặc biệt quan tâm phát triển một số ngành công nghiệp nặng thiết yếu (...), tập trung nỗ lực tạo ra và phát triển kinh tế địa phương theo kế hoạch”⁽⁷⁾. Do đó, phạm vi cải cách được mở rộng, tốc độ cải cách được đẩy nhanh.

Trong nông nghiệp, nông thôn bước vào cuộc vận động củng cố và mở rộng phong trào hợp tác hoá nông nghiệp nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, coi đó là một trong những biện pháp chính thực hiện kế hoạch. Trong lĩnh vực công nghiệp, nhà nước tập trung vốn đầu tư, xây dựng nhiều xí nghiệp ở trung ương và địa phương. Hệ thống ngân hàng và các xí nghiệp quan trọng được quốc hữu hoá. Một hệ thống kế hoạch hoá tập trung bước đầu hình thành và còn thô sơ. Hầu hết các xí nghiệp Nhà nước do Chính phủ và các bộ trực tiếp điều hành, các tỉnh phải tự túc lương thực. Nhà nước độc quyền nội thương và ngoại thương, thực hiện chế độ tem phiếu các loại hàng hoá thiết yếu. Các tổ chức thương nghiệp nhà nước thực hiện thu mua bắt buộc theo giá chỉ đạo, phân phối lưu thông theo giá bao cấp và ổn định. Trong hoàn cảnh bị bao vây kinh tế, Nhà nước cần quản lý chặt thị trường tự do. Tỷ giá hối đoái Nhà nước theo cơ chế bao cấp nên mang tính giả tạo không phản ánh đúng thị trường. Tỷ giá hối đoái chợ đen do tư thương lũng đoạn, chi phối mặt bằng giá thị trường tự do, khiến Nhà nước không kiểm soát được thị trường. Ngân sách nhà nước luôn căng thẳng vì bao cấp công thương nghiệp và chi trả lương bộ máy công chức. Tình hình đó làm cho nền kinh tế vĩ mô vốn chưa ổn định càng thêm khó khăn trầm trọng, nhất là thiếu hụt ngân sách và mất cân đối trong quan hệ cung cầu. Hàng hoá càng trở nên khan hiếm, lượng tiền phát hành nhiều, đẩy lạm phát tăng tới hơn 100%.

Vì thiếu các điều kiện đầy đủ về nguồn nhân lực, kỹ thuật và quản lý, vốn tài chính và cơ sở hạ tầng cho sản xuất như

giao thông vận tải, thông tin liên lạc v.v..., việc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội được xây dựng và tổ chức thực hiện theo cơ chế kế hoạch hoá tập trung hành chính bao cấp, đã không phù hợp với điều kiện của Lào. Quản lý theo kiểu động viên cấp phát giao nộp không thích ứng với yêu cầu cải biến nền kinh tế tự nhiên, phát triển lực lượng sản xuất. Các biện pháp như quốc hữu hoá trong công nghiệp, tăng cường khu vực nhà nước trong lĩnh vực thương nghiệp và giao thông vận tải, xúc tiến phong trào hợp tác hoá nông nghiệp và tập thể hoá nông dân v.v., đã dẫn đến tình trạng tập trung hoá nền kinh tế, làm cho "hiệu quả của nền kinh tế bị giảm sút"⁽⁸⁾. Đời sống xã hội, đặc biệt trong một bộ phận nhân dân có nhiều bức xúc. An ninh quốc phòng và trật tự xã hội có nhiều diễn biến phức tạp, nhất là trên biên giới Thái Lan - Lào và vùng rừng núi Đông Bắc.

Thực tiễn tình hình kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng đòi hỏi cần phải điều chỉnh chính sách. Những cải tạo kinh tế, biến đổi xã hội, xây dựng chế độ chính trị dân chủ nhân dân gặp hai trở lực cơ bản là nền kinh tế tự nhiên và nửa tự nhiên trong một cơ cấu xã hội lạc hậu rất chậm phát triển; là sự chống phá của các lực lượng phản động ở trong nước cấu kết với các thế lực thù địch trong khu vực và trên thế giới. Yêu cầu thống nhất và phát triển bên trong cần sự củng cố đoàn kết trong nhân dân, phát huy tinh thần hoà hợp dân tộc; xây dựng cơ cấu kinh tế mới huy động mọi tiềm năng về nhân lực vật lực của đất nước vào phát triển sản xuất, mở rộng quan hệ tiên- hàng, đẩy mạnh năng lực xuất khẩu, thay đổi cơ chế quản lý

kinh tế, khuyến khích các đơn vị kinh tế cơ sở tự chủ và năng động trong sản xuất kinh doanh; đa dạng hoá quan hệ quốc tế, thoát ra khỏi sự bao vây kinh tế chủ yếu từ Thái lan và đang bị cô lập vì môi trường xung đột đối đầu giữa hai nhóm nước ở khu vực, tranh thủ các nhân tố thuận lợi của quốc tế, nhất là sự giúp đỡ của cộng đồng các nước XHCN tăng cường quốc lực.

Lào đã sớm nhận ra sự trì trệ của những biện pháp xây dựng và quản lý không phù hợp. Trước thực trạng của các đơn vị kinh tế cơ sở, quá trình cải tạo công thương nghiệp, công tác quản lý thị trường và phân phối lưu thông, công tác tài chính tiền tệ và hiện trạng phong trào hợp tác hoá nông nghiệp v.v... Lào đã có nhiều thay đổi trong chính sách phát triển kinh tế. Hội nghị Trung ương đảng lần thứ bảy (khoá VII) năm 1979 xác định cần phải quay trở lại tinh thần chủ đạo của đường lối phương hướng kinh tế được đề ra cuối năm 1975 đầu năm 1976. Vì vậy đối với các thành phần kinh tế, khu vực kinh tế quốc doanh và tập thể vẫn được ưu tiên, kinh tế tư nhân được coi trọng sử dụng thông qua các hình thức khác nhau của chủ nghĩa tư bản - nhà nước. Trên thực tế, các hợp tác xã được củng cố và tổ chức lại sản xuất. Chính phủ tăng giá thu mua các sản phẩm nông nghiệp, giảm thuế nông nghiệp, miễn thuế cho các nông dân miền núi và các hợp tác xã canh tác vụ thứ hai, khuyến khích định canh định cư làm ruộng nước. Nhà nước tái tư hữu hoá một số xí nghiệp nhỏ và trung bình, giảm bớt sự độc quyền trong ngoại thương. Một số bộ, ban, ngành sắp xếp lại bộ máy quản lý theo hướng phân cấp gọn nhẹ, coi trọng hiệu quả sản

xuất kinh doanh. Các cấp các ngành sửa đổi lề lối làm việc. Chính quyền tỉnh được quyền xuất nhập khẩu các mặt hàng nhà nước không độc quyền quản lý, được sử dụng 50% tổng giá trị ngoại tệ, còn lại thuộc ngân sách Trung ương. Từ năm 1980, các doanh nghiệp tư nhân có quyền bình đẳng với các doanh nghiệp nhà nước trong ngoại thương. Sở hữu nhà nước giảm hẳn xuống hơn 60%. Tháng 12-1979, Lào phát hành đồng Kíp Ngân hàng Quốc gia. Việc cải cách tiền tệ, củng cố hoạt động và tổ chức hệ thống ngân hàng, cải tiến tỷ giá hối đoái, sửa đổi chính sách thuế và giá v.v..., đã bước đầu giảm thiểu hụt ngân sách và sự căng thẳng trong quan hệ giữa tổng thu chi ngân sách.

Những sửa đổi về chủ trương và chính sách đã coi trọng lợi ích của người lao động hơn trước, khuyến khích sản xuất, đẩy mạnh năng lực xuất khẩu. Trong đó có chính sách giá mới, phát triển kinh tế gia đình, hợp tác nông dân trên tinh thần tự nguyện. Đồng thời, nhằm đối phó với trở lực thứ hai là thách thức về an ninh quốc phòng trong tình huống vừa có hoà bình, vừa có thể xảy ra chiến tranh, Lào tăng cường an ninh quốc phòng, củng cố khối đoàn kết thống nhất bên trong và đẩy mạnh quan hệ ngoại giao. Mặt trận Lào yêu nước được đổi tên thành Mặt trận Lào xây dựng đất nước, củng cố và mở rộng khối đoàn kết toàn dân, phát huy tinh thần hoà hợp dân tộc. Chính quyền cấp cơ sở được củng cố trước sự chống phá của các thế lực phản động. Chính sách đối ngoại hướng trọng tâm vào các nước xã hội chủ nghĩa, quan hệ và hợp tác toàn diện với Việt Nam và Liên Xô. Song, Lào vẫn duy trì quan hệ với các nước khác trên

nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi.

Những công tác trên điều chỉnh dần bước đi và biện pháp xây dựng xã hội mới của Lào theo định hướng XHCN. Tuy nhiên, mục đích của những thay đổi này nhằm kích thích phát triển sản xuất, duy trì cải tạo XHCN trước hai trở lực cơ bản là nền kinh tế tự nhiên và nửa tự nhiên với sức ép về chính trị và quân sự trong khu vực.

Sau khi hoàn thành cơ bản kế hoạch ngắn hạn 3 năm, đời sống kinh tế-xã hội có sự chuyển biến nhất định. Kết quả này là do những thay đổi bước đầu về chính sách kinh tế từ năm 1979, sự phục hồi và phát triển của nông nghiệp, vai trò của kinh tế nhà nước trong các lĩnh vực công thương nghiệp và vận tải, viện trợ và giúp đỡ kịp thời của nhiều nước XHCN và các tổ chức quốc tế, thời tiết thuận lợi trong năm 1980 v.v... Trên cơ sở đó, Lào tiếp tục thực hiện kế hoạch 5 năm (1981-1985) phát triển kinh tế-xã hội. Mục tiêu chính của kế hoạch là đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, đảm bảo tự túc lương thực và có dự trữ, tăng năng lực xuất khẩu nông lâm sản, từng bước cân bằng cán cân xuất nhập khẩu vốn đang mất cân đối nghiêm trọng. Để đạt mục tiêu trên, kế hoạch vẫn được thực hiện theo cơ chế quản lý tập trung bao cấp. Cơ cấu kinh tế được xác định là "phát triển nông nghiệp - lâm nghiệp - công nghiệp thành cơ cấu kinh tế thống nhất từ địa phương và cơ sở"⁽⁹⁾. Chính sách các thành phần kinh tế ưu tiên khu vực kinh tế quốc doanh và tập thể. Cơ cấu vùng kinh tế cũng được xác định là xây dựng kinh tế trung ương, kết hợp phát triển kinh tế địa phương. Định

hướng kinh tế đối ngoại vẫn tập trung vào hệ thống các nước XHCN. Nhiệm vụ cơ bản nhất của phát triển kinh tế-xã hội là xây dựng nông thôn mới toàn diện. Như vậy, trong những năm thực hiện tiếp kế hoạch 5 năm 1981-1985, một hệ thống kinh tế kế hoạch hoá tập trung bao cấp tuy còn thô sơ và mới có tính chất văn bản đã được hình thành. Song, tính chất kế hoạch "mới chỉ là định hướng và cố gắng đảm bảo mấy cân đối lớn về lương thực, lao động, vật tư nhiên liệu, tiền hàng và xuất nhập khẩu"⁽¹⁰⁾.

Việc lập kế hoạch và chỉ đạo thực hiện kế hoạch gặp rất nhiều khó khăn. Đó là tình trạng chưa ổn định về mọi mặt đời sống kinh tế-xã hội và an ninh quốc phòng sau chiến tranh. Chế độ chính trị - kinh tế - xã hội mới chưa thực sự hoàn thiện và vững mạnh. Hệ thống giao thông vận tải và thông tin liên lạc yếu kém, không đáp ứng được yêu cầu tập trung từ trung ương xuống các địa phương. Dân số ít gồm nhiều bộ tộc có tâm lý tập quán và phương thức canh tác khác nhau, chủ yếu còn dựa vào tự nhiên tự cung tự cấp. Các yếu tố truyền thống lạc hậu còn bền chặt trong đời sống xã hội. Cán bộ quản lý và kỹ thuật rất thiếu, chưa kịp được đào tạo đáp ứng yêu cầu xây dựng và vận hành kế hoạch; phải dựa nhiều vào nguồn lực nước ngoài. Thị trường dân tộc thống nhất chưa hình thành, thị trường địa phương còn ở trạng thái cơ bản biệt lập, khép kín và bị chia cắt theo vùng lãnh thổ. Kinh tế tự nhiên và nửa tự nhiên còn phổ biến trong dân cư, giữ vai trò chủ yếu trong đời sống của nhiều bộ tộc miền núi. Kinh tế quốc doanh chỉ tập trung ở Viêng Chăn và vài thành phố lớn, thiếu công nhân kỹ thuật và

nguyên liệu thiết bị thay thế. Quan hệ kinh tế đối ngoại tăng trưởng chậm vì nội lực yếu kém, bị Thái Lan bao vây cấm vận, phải dựa chủ yếu vào viện trợ nước ngoài. Hoạt động tài chính-tiền tệ chưa ổn định vì kinh tế trong nước chưa phát triển, chưa cân đối được thu chi ngân sách. Công tác thống kê, điều tra khảo sát của các cơ quan chức năng còn yếu kém và thô sơ, chưa cung cấp đầy đủ nguồn lực làm căn cứ hoạch định và thực thi kế hoạch v.v...

Vì vậy, trong thực tiễn đã diễn ra quá trình hoàn thiện công tác quản lý sản xuất, chuyển dần từ chế độ quản lý kinh tế bằng các biện pháp hành chính sang bằng các biện pháp kinh tế. Trong cơ chế quản lý công nghiệp có những chuyển biến quan trọng. Một số xí nghiệp được thử nghiệm chế độ hạch toán kinh tế, được tự chủ sử dụng 40-50% lợi nhuận. Những thay đổi này nhằm bước đầu giải quyết mâu thuẫn giữa lợi ích vật chất của xã hội, tập thể và cá nhân; nâng cao hiệu quả sử dụng công suất thiết bị, tăng đóng góp vào ngân sách Nhà nước. Các xí nghiệp thực hiện hạch toán vẫn được hưởng chế độ cung ứng vật tư và bù lỗ bao cấp. Chính sách tài chính phân cấp cho các địa phương. Nhà nước vừa thực hiện chính sách, tạo động lực phát triển thị trường hàng hoá, vừa cố gắng nắm lấy việc điều tiết thị trường tự do, uốn nắn xu hướng nóng vội trong cải tạo và xây dựng. Thương nghiệp quốc doanh bước đầu tiếp tục được cải thiện, bỏ dần sự bao cấp, thực hiện phân phối trao đổi mua bán theo hợp đồng. Nhiều chính sách về nông nghiệp tiếp tục được sửa đổi, bổ sung, khuyến khích phát triển sản xuất. Trong đó có việc tăng giá mua nông sản. Nhưng

khoảng cách giữa hai loại giá còn cách xa nhau. Cuối kế hoạch 5 năm lần thứ I, Chính phủ cải cách tiền lương và cải cách một bước chính sách giá nhằm tiến tới thực hiện chính sách một giá theo cơ chế thị trường. Cải cách tiền lương bao gồm việc tăng lương cơ bản, xoá bỏ dần trợ cấp bù giá hàng tiêu dùng, thực hiện bù giá vào lương bằng tiền. Song, Chính phủ có những biện pháp nhằm khắc phục biến động giá và khó khăn về tiền lương, phần lớn tiền lương được trả bằng ngân phiếu theo sổ mua hàng, khuyến khích phát triển kinh tế gia đình, phát hành thêm tiền, ngoại tệ được chủ động sử dụng tự do trên thị trường.

Những thay đổi bước đầu từ chính sách đến thực tiễn cho thấy động thái của nền kinh tế đang chuyển đổi theo hướng xây dựng kinh tế thị trường. Tuy vậy, do các yếu tố nội tại kìm hãm; sự tác động trực tiếp và gián tiếp của nhiều nhân tố bên ngoài trên nhiều phương diện, bước chuyển đó mới chỉ bắt đầu, có tính chất thử nghiệm và đúc rút kinh nghiệm trong suốt nửa đầu thập kỷ 80.

III. THÀNH TỰU BƯỚC ĐẦU CỦA SỰ PHÁT TRIỂN

Sau chiến tranh, nhiệm vụ của Đảng và chính quyền cách mạng tập trung ổn định đời sống nhân dân, bảo vệ thành quả cách mạng, giữ vững an ninh-chính trị, trật tự xã hội của đất nước và lòng tin của nhân dân vào cách mạng. Mặc dù vấn đề an ninh quốc phòng bảo vệ thành quả cách mạng là nhiệm vụ hàng đầu, nhưng công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội vẫn là yêu cầu cấp bách. Vì vậy nhiều cải

biến trong lĩnh vực kinh tế, xã hội được thực hiện trên phạm vi cả nước, làm cơ sở củng cố chính quyền và chế độ xã hội mới về phương diện kinh tế-xã hội. Quá trình quốc hữu hoá đồng thời với khôi phục hoạt động các cơ sở kinh tế của chế độ cũ. Các biện pháp khuyến nông nhằm đảm bảo tự túc lương thực thực phẩm, gắn liền với chủ trương thử nghiệm tổ chức lao động tập thể trong phạm vi cả nước. Quá trình khôi phục kinh tế đồng thời với quá trình cải tạo xã hội, khắc phục hậu quả chiến tranh và sự trì trệ lạc hậu của xã hội cũ, tạo lập đời sống xã hội mới. Khi nghiên cứu tình hình Lào sau chiến tranh, Ngân hàng Thế giới đã nhận xét: đất nước gần như sản xuất các sản phẩm không đủ cho tiêu dùng, thực tế không có tích lũy nội bộ, hoàn toàn phụ thuộc vào tài chính bên ngoài để trang trải các yêu cầu cần thiết cho sự phát triển. Chỉ sau hai năm phục hồi sau chiến tranh (1976-1977) và ba năm hiện kế hoạch khôi phục kinh tế, phát triển văn hoá, nền kinh tế Lào trong những năm 1977-1980 được đánh giá phát triển trung bình 7,0%/năm. Năm 1980 so với năm 1977, tổng sản phẩm nông nghiệp tăng 31,4%; tổng sản phẩm chăn nuôi tăng 15,5%; tổng sản phẩm công nghiệp tăng gần 70,0% so với mức tăng kế hoạch đặt ra là 59,0%, trong đó tỷ trọng các xí nghiệp nhà nước chiếm 93,0%. Năm 1980 so với năm 1970, thu ngân sách tăng gấp hơn 18 lần, chi ngân sách tăng gấp 9 lần. Tuy vậy chỉ số giá tiêu dùng trong các năm 1976-1980 cũng tăng hơn 4 lần. Mặc dù bị suy giảm trong năm các 1976-1977, song cũng từ năm 1978, viện trợ nước ngoài tiếp tục tăng. Nếu năm 1975 chỉ số giúp đỡ của nước ngoài là 100 thì các năm

1976 là 77,9; năm 1977 là 84,8; năm 1978 là 185,5 và năm 1980 là 152,0⁽¹¹⁾. Đến cuối kế hoạch 3 năm, tất cả các xí nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp cũ khôi phục lại hoạt động.

Trong kế hoạch 5 năm lần thứ I từ 1981 đến 1985, giá trị thực tế của GDP tăng trung bình 5,3%/năm. Cơ cấu kinh tế bước đầu có sự thay đổi, giảm tỷ trọng nông nghiệp tăng tỷ trọng công nghiệp trong GDP. Tuy vậy, tốc độ tăng trưởng kinh tế còn thấp và không đều ở các năm. Năm 1985, tổng sản phẩm nông nghiệp trong GDP là 63,5%, công nghiệp không gồm xây dựng là 7,6% so với chỉ số 83,0% và 6,0% của năm 1980⁽¹²⁾. Đặc biệt, Đại hội Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lần thứ III năm 1982 và lần thứ IV năm 1986 ghi nhận việc tự túc cơ bản lương thực thực phẩm trong nhiều năm là một thắng lợi lịch sử của Lào trong sản xuất nông nghiệp. Năm 1985, sản lượng thóc tăng gấp hai lần so với năm đầu sau giải phóng, đạt 1,396 triệu tấn. Tổng sản phẩm công nghiệp trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất tăng 141,6%. Sự phục hồi phát triển và mở rộng hoạt động sản xuất của các xí nghiệp công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm và hàng tiêu dùng đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội. Kinh tế đối ngoại chuyển biến tích cực và mở rộng, giảm nhập siêu tăng xuất khẩu. Năm 1985 so với năm 1976, nhập khẩu tăng gấp 4 lần, xuất khẩu tăng gấp 8 lần. Tình trạng nhập siêu giảm dần, tỷ lệ giá trị nhập khẩu so với giá trị xuất khẩu 18:1 (năm 1975) và 3,6:1 (năm 1985). Giai đoạn này Lào tập trung hướng quan hệ kinh tế đối ngoại vào các nước XHCN. Do vậy, khoảng 60-70% tổng giá

trị xuất khẩu của Lào xuất vào khu vực đồng Rúp thuộc cộng đồng XHCN.

Những chuyển biến bước đầu về kinh tế tạo đà cho những thành tựu đạt được về văn hoá - xã hội. Các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước nỗ lực cải thiện đời sống, đáp ứng nguyện vọng và lợi ích của nhân dân các bộ tộc, đóng góp tích cực vào mục tiêu hoà hợp dân tộc, chuyển biến cơ cấu kinh tế và xã hội vốn đang lạc hậu rất chậm phát triển. Các hoạt động văn hoá - xã hội kết hợp truyền thống văn hoá dân tộc và mang nội dung giáo dục cách mạng. Tinh thần văn hoá mới kết hợp bản sắc văn hoá dân tộc, góp phần tạo lập đời sống mới trong tinh thần lao động, học tập, xây dựng và bảo vệ chế độ mới; góp phần mở rộng và củng cố quan hệ của Lào với các dân tộc trên thế giới. Thành tựu giáo dục rất nổi bật, phản ánh ưu tiên giáo dục và đào tạo trong chiến lược phát triển. Năm 1984-1985, cả nước có 56,0% số bản có trường cấp I; 47,0% số xã có trường cấp II, 56,0% số huyện có trường cấp III. Sau Đại hội Đảng lần thứ III năm 1982, loại hình giáo dục mầm non thông qua nhà trẻ và mẫu giáo của chế độ mới trở thành phong trào rộng rãi trong cả nước. Đội ngũ giáo viên không ngừng được củng cố phát triển chất lượng và số lượng. Bên cạnh đội ngũ trí thức cách mạng và nhà trường cách mạng, đội ngũ giáo viên sư và hệ thống trường chùa vẫn được duy trì, đóng góp vai trò quan trọng vào sự nghiệp phát triển giáo dục, văn hoá, xã hội. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật được đào tạo ở trong và ngoài nước tăng nhanh, đặc biệt là trong ngành sư phạm. Sự chuyển biến kinh tế - xã hội đồng thời cũng là cơ sở để củng cố và ổn định tình hình chính trị, an

ninh quốc phòng. Phương châm "ba mặt" lấy chính trị làm cơ sở, kinh tế văn hoá làm mũi nhọn, quân sự hỗ trợ đã đẩy lùi nhiều âm mưu thủ đoạn phá hoại của địch từ cơ sở.

Nhìn lại một giai đoạn lịch sử rất nhiều biến động của Lào sau giải phóng, bên cạnh những thành tựu về kinh tế - xã hội của giai đoạn này, thành quả cơ bản là Lào đã giữ vững được chính quyền từ trung ương đến cơ sở, duy trì được hoà bình và sự ổn định cơ bản về chính trị - xã hội, tranh thủ được sự ủng hộ đa dạng của cộng đồng quốc tế mà vẫn giữ vững độc lập tự chủ, tránh khỏi xung đột ở khu vực và tình trạng bị các lực lượng thù địch bao vây cô lập, tạo cơ sở cho sự phát triển của đất nước trong các giai đoạn tiếp theo. Đó là kết quả xây dựng và bảo vệ đất nước của Đảng, Nhà nước và nhân dân các bộ tộc Lào, của tình đoàn kết Lào - Việt Nam - Campuchia và sự giúp đỡ tích cực của nhiều nước trên thế giới, đặc biệt từ Việt Nam và Liên Xô trong cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa. *Những khó khăn thách thức của Lào ở giai đoạn này, đồng thời là nguyên nhân để Lào tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện ở giai đoạn tiếp theo, trong sự nghiệp xây dựng và phát triển chế độ dân chủ nhân dân, thực hiện con đường phát triển định hướng xã hội chủ nghĩa.*

CHÚ THÍCH

1. Cayxôn Phômvihản: Về cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1986, tr. 69.

2. Kaysone Phomvihane: Revolution in Laos. Practice and prospects, Progress publishers, Moscow, 1981, p. 183.
3. Cayxôn Phômvihân: Về cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào, sđd, tr. 167.
4. Tuyên bố của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc ngày 2-12-1975 tại Viêng Chăn.
5. Dẫn theo V.V.Ximonôp: Sự phát triển kinh tế Lào (từ những năm 50 đến những năm 80). Nxb Khoa học, Matxcova, 1988, tr. 80 (tiếng Nga).
6. Cayxôn Phômvihân: Chiến lược quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Tạp chí "Những vấn đề hoà bình và chủ nghĩa xã hội", số 9, 1981, tr. 25.
7. Cayxôn Phômvihân: Cách mạng ở Lào, sách đã dẫn, tiếng Anh, tr. 196-197.
8. Cayxôn Phômvihân: Chiến lược quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tài liệu đã dẫn, tr. 27.
9. Đại hội III Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1983, tr. 42.
10. Đại hội IV Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 54.
11. V.V.Ximonôp: Sự phát triển kinh tế Lào, tr. 146.
12. Government of the Lao PDR: Socio-economic development strategies, Volume 1, prepared for the round table meeting, Geneva, April-1989, p. 12; and IMF: Lao PDR Recent economic development, SM/88/26, 1. 1988, table 1 and 2.
- kinh tế hiện nay ở Lào, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1990.
4. Cayxôn Phômvihân - Người con của nhân dân, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993.
5. Kaysone Phomvihane: Revolution in Laos. Practice and prospects, Progress publishers, Moscow, 1981.
6. Đảng Nhân dân Cách mạng Lào: Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ năm, lần thứ bảy khoá II năm 1979, Viêng Chăn 1979, tư liệu bản dịch tiếng Việt.
7. Đại hội III Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1983.
8. Đại hội IV Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982.
10. Government of the Lao PDR: Socio-economic development strategies, Volume 1, prepared for the round table meeting, Geneva, April-1989, and IMF: Lao PDR Recent economic development, SM/88/26, 1. 1988.
11. Khămtay Xiphândôn: Những bài chọn lọc về quân sự, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1986.
12. Trần Cao Thành: Quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào từ 1975 đến nay, luận án PTS, Hà Nội, 1996.
13. Sự thật về quan hệ Thái Lan - Campuchia, Thái Lan - Lào, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1985.
14. Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, Tạp chí Những vấn đề kinh tế thế giới ... có tư liệu liên quan.
15. V.V.Ximonôp: Sự phát triển kinh tế Lào (từ những năm 50 đến những năm 80). Nxb Khoa học, 1988 (tiếng Nga).
16. State Planning Committee: Lao PDR, Ten years of socio - economic development in Lao PDR, state statistical centre, 1985.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Cayxôn Phômvihân: Chiến lược quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Tạp chí Những vấn đề hoà bình và chủ nghĩa xã hội, số 9. 1981.
2. Cayxôn Phômvihân: Về cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1986.
3. Cayxôn Phômvihân: Một số vấn đề quản lý